

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 65 /2014/QĐ-UBND

Long An, ngày 31 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Căn cứ Nghị quyết số 157/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An Khoá VIII, kỳ họp thứ 11 về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Long An;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 4341/STC-QLNS ngày 25/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng chịu phí

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô (sau đây gọi chung là phí sử dụng đường bộ) theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính được áp dụng trên địa bàn tỉnh Long An.

Quy định này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng theo quy định tại khoản 20 Điều 3 Luật giao thông đường bộ.

b) Đối tượng chịu phí

Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký lưu hành (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe), bao gồm: Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự, trừ xe máy điện (sau đây gọi chung là mô tô).

2. Các trường hợp miễn phí

Miễn phí sử dụng đường bộ đối với những trường hợp sau đây:

- a) Xe mô tô của lực lượng công an, quốc phòng.
- b) Xe mô tô của chủ phương tiện thuộc các hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

3. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện mô tô (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) là người nộp phí sử dụng đường bộ.

4. Mức thu phí

Căn cứ vào dung tích xy lanh được ghi trên giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, có các mức thu như sau:

TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng/phương tiện/năm)
1	Loại có dung tích xy lanh đến 100 cm ³	50
2	Loại có dung tích xy lanh trên 100 cm ³	100

5. Phương thức thu, nộp phí

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) là cơ quan thu phí đối với xe mô tô của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (chủ phương tiện) trên địa bàn.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cho ấp, khu phố hướng dẫn chủ phương tiện trên địa bàn kê khai phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô theo mẫu số 02/TKNP tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính và tổ chức thu phí.

c) Chủ phương tiện thực hiện khai, nộp phí như sau:

- Đối với xe phát sinh từ ngày 01/01 đến ngày 30/6 hàng năm, chủ phương tiện khai nộp phí vào tháng 7 hàng năm (từ ngày 01/7 đến ngày 31/7), cụ thể:

+ Xe đăng ký mới thực hiện khai nộp phí, với mức thu phí bằng 1/2 mức thu năm.

+ Xe đăng ký lần thứ 2 trở đi (xe này đã được đăng ký trước ngày 01/01 của năm đó), nếu xe đó chưa được nộp phí thì chủ phương tiện phải khai nộp phí

với mức thu phí cả năm; nếu đã được nộp thì chủ phương tiện chỉ thực hiện nộp Tờ khai phí và không phải nộp phí năm phát sinh.

- Đối với xe phát sinh từ ngày 01/7 đến ngày 31/12 hàng năm, chủ phương tiện khai nộp phí vào tháng 01 năm sau (chậm nhất ngày 31/01): Đối với xe đăng ký lần đầu và xe đăng ký lần 2 trở đi (đã được nộp phí của năm phát sinh) thì chủ phương tiện không phải nộp phí đối với thời gian còn lại của năm phát sinh. Trường hợp đăng ký từ lần thứ 2 trở đi nhưng xe đó chưa được nộp phí của năm phát sinh thì chủ phương tiện phải thực hiện khai nộp phí bổ sung tiền phí của năm phát sinh, cùng với số phí phải nộp của năm tiếp theo.

- Các năm tiếp theo không có biến động tăng, giảm xe, chủ phương tiện thực hiện nộp phí vào tháng 01 hàng năm (chậm nhất 31/01) mức thu phí 12 tháng cho cơ quan thu phí.

d) Khi thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô, cơ quan thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định.

đ) Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại Biên lai thu phí sử dụng đường bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

6. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được

a) Đối với các phường, thị trấn được để lại 10% số phí sử dụng đường bộ thu được, đối với các xã được để lại 20% số phí thu được để trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định.

b) Số tiền còn lại quy thành 100% và phân chia như sau:

- Trích 20% nộp vào tài khoản của Quỹ bảo trì Đường bộ tỉnh tại Kho Bạc Nhà nước Long An để bổ sung vào Quỹ bảo trì Đường bộ tỉnh.

- Dành 80% số thu phí còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước (điều tiết cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố) để cấp phát cho UBND cấp xã (xã, phường, thị trấn) đầu tư đường giao thông theo phân cấp; đầu tư đường giao thông nông thôn theo Chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Đối với phần kinh phí nộp vào ngân sách địa phương (theo tỷ lệ 80% nguồn kinh phí thực thu đối với xe mô tô của các địa phương sau khi đã trừ phần trích 20% nộp vào tài khoản của Quỹ bảo trì Đường bộ tỉnh theo quy định) để đầu tư đường giao thông theo phân cấp, UBND cấp xã có trách nhiệm lập dự toán, sử dụng kinh phí trình UBND cấp huyện để trình HĐND cùng cấp thông qua; quản lý, thanh toán, quyết toán nguồn vốn đúng quy định.

+ Đối với phần kinh phí nộp vào ngân sách địa phương (theo tỷ lệ 80% nguồn kinh phí thực thu đối với xe mô tô của các địa phương sau khi đã trừ phần trích 20% nộp vào tài khoản của Quỹ bảo trì Đường bộ tỉnh theo quy định) để đầu tư đường giao thông nông thôn theo Chương trình xây dựng nông thôn mới đúng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký. Thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải và các ngành chức năng liên quan hướng dẫn thực hiện quyết định này. Kiểm tra chế độ thu, nộp và chế độ sử dụng đối với các cấp theo quy định.

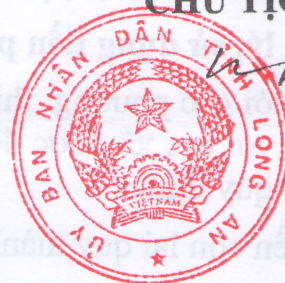
Cơ quan thuế có trách nhiệm cấp biên lai thu cho các đơn vị có thu phí và tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông Vận tải, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Phòng NC-KT;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STC, Th

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Hữu Lâm